

Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2022

\*

**ĐIỂM BÀI THU HOẠCH**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (Hạ Lang)

Môn: Phần B.II. Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Thắm Thị Bạch	6,50	Sáu phẩy năm	41	Triệu Thúy Mơ	6,00	Sáu
2	Triệu Thị Chiêm	6,50	Sáu phẩy năm	42	Hoàng Thị My	5,50	Năm phẩy năm
3	Nông Thị Chinh	6,50	Sáu phẩy năm	43	Nông Văn Nam	7,00	Bảy
4	Triệu Thị Chủ	7,50	Bảy phẩy năm	44	Nông Thị Hoàng Nga	6,50	Sáu phẩy năm
5	Nông Thị Chuyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	45	Lã Thị Nga	7,00	Bảy
6	Đàm Bích Diệp	6,50	Sáu phẩy năm	46	Đường Văn Ngọc	6,50	Sáu phẩy năm
7	Phạm Thị Dịu	8,00	Tám	47	Phùng Ánh Nguyệt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Thắm Thị Duyên	8,00	Tám	48	Mã Lý Nhung	8,00	Tám
9	Hoàng Thị Định	6,50	Sáu phẩy năm	49	Trần Thị Phương	7,00	Bảy
10	Bế Thị Đoan	6,50	Sáu phẩy năm	50	Phạm Thị Phượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Nông Thị Hồng Gấm	6,50	Sáu phẩy năm	51	Nông Thị Quy	6,00	Sáu
12	Phùng Thị Thu Hằng	8,00	Tám	52	Nông Thị Riên	6,00	Sáu
13	Hoàng Văn Hành	7,25	Bảy phẩy hai năm	53	Nông Văn Siền	6,00	Sáu
14	Hoàng Minh Hậu	6,50	Sáu phẩy năm	54	Hoàng Thị Tâm	7,00	Bảy
15	Nông Thị Hiền	6,50	Sáu phẩy năm	55	Nông Thị Thạch	6,50	Sáu phẩy năm
16	Đàm Văn Hiệp	6,50	Sáu phẩy năm	56	Đinh Việt Thiện	5,50	Năm phẩy năm
17	Hoàng Thị Hoa	6,50	Sáu phẩy năm	57	Mã Thị Thiệp	7,50	Bảy phẩy năm
18	Phan Triệu Học	6,50	Sáu phẩy năm	58	Nông Thị Thoa	7,00	Bảy
19	Nông Thị Hồng	6,50	Sáu phẩy năm	59	Bé Văn Thoại	6,50	Sáu phẩy năm
20	Nông Thị Hợp	7,25	Bảy phẩy hai năm	60	Nông Thị Thu	6,50	Sáu phẩy năm
21	Nông Văn Huân	7,25	Bảy phẩy hai năm	61	Nông Ngọc Thụ	6,00	Sáu
22	Triệu Bích Huệ	6,50	Sáu phẩy năm	62	Mã Thị Thương	7,75	Bảy phẩy bảy năm

Ue

23	Nông Thế Hùng	6,50	Sáu phẩy năm	63	Hà Văn Thượng	6,50	Sáu phẩy năm
24	Nông Thanh Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	64	Mã Thị Thùy	7,00	Bảy
25	Đàm Thị Hương	6,50	Sáu phẩy năm	65	Nông Linh Thủy	7,00	Bảy
26	Hoàng Thị Bích Huyền	6,50	Sáu phẩy năm	66	Lương Thị Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
27	Hoàng Thị Thu Huyền	6,50	Sáu phẩy năm	67	Hoàng Văn Tú	7,50	Bảy phẩy năm
28	Đường Thị Kết	8,00	Tám	68	Hoàng Thị Bích Từ	6,50	Sáu phẩy năm
29	Lương Thị Vân Khánh	7,00	Bảy	69	Bạch Văn Tùng	6,50	Sáu phẩy năm
30	Lương Thị Hồng Lê	7,25	Bảy phẩy hai năm	70	Phạm Thị Tươi	6,50	Sáu phẩy năm
31	Lương Thị Liễu	8,00	Tám	71	Triệu Thị Tuyên	6,50	Sáu phẩy năm
32	Nông Thị Linh	7,50	Bảy phẩy năm	72	Trần Thị Tuyết	7,00	Bảy
33	Hoàng Thị Loan	6,75	Sáu phẩy bảy năm	73	Bé Thị Ánh Tuyết	7,00	Bảy
34	La Thị Loan	7,50	Bảy phẩy năm	74	Lộc Thị Vân	7,00	Bảy
35	Nông Thị Thanh Loan	7,25	Bảy phẩy hai năm	75	Lý Thị Vân	7,00	Bảy
36	Phạm Minh Loan	7,50	Bảy phẩy năm	76	Nông Thị Vân	6,50	Sáu phẩy năm
37	Hà Thị Luyên	7,00	Bảy	77	Lộc Thị Viên	6,50	Sáu phẩy năm
38	Nông Thị Luyên	6,50	Sáu phẩy năm	78	Chu Văn Xuyên	5,00	Năm
39	Đàm Thị Mên	7,25	Bảy phẩy hai năm	79	Hứa Văn Du	6,50	Sáu phẩy năm
40	Long Nông Nữ Minh	6,50	Sáu phẩy năm				

Điểm 5,00: 01 điểm; Điểm 5,50: 02 điểm; Điểm 6,00: 05 điểm; Điểm 6,50: 33 điểm; Điểm 6,75: 02 điểm; Điểm 7,00: 13 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 07 điểm; Điểm 7,75: 04 điểm; Điểm 8,00: 04 điểm./.

**GHI ĐIỂM**

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**

**HIỆU TRƯỞNG**

*Bé Thị Hương*

*Đoàn Thị Vân thúy*



**Bé Thị Hương**

**Đoàn Thị Vân thúy**

**Trịnh Thị Ánh Hoa**